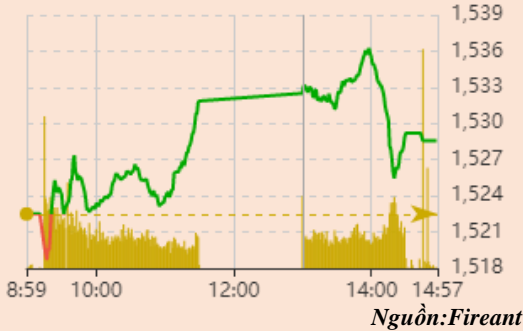


Vận động trong ngày



Thay đổi chỉ số

Chỉ số trong nước	HSX	HNX
Chỉ số	1.528,57	484,89
Thay đổi (%)	0,40%	0,94%
Thay đổi	6,07	4,53
Tổng KLGD	1.096,44	143,70
Tổng GTGD	35.342,18	4.020,60
NĐTNN ròng (tỷ)	-266,38	13,02
Tự doanh ròng (Tỷ)	104,82	-
PE	17,87	25,41

HĐTL chỉ số

	VN30	VN30F1
Chỉ số	1.544,95	1.545,10
Thay đổi (%)	-0,07%	-0,25%
Thay đổi	-1,06	-3,9
Basis	-0,15	

Tăng giảm nhóm ngành

Nhóm ngành L2 (%)	Ngày	Năm
Dầu khí L2	0,00%	96,2%
Hóa chất L2	0,50%	148,0%
Tài nguyên Cơ bản L2	-0,54%	150,4%
XD và Vật liệu L2	1,78%	90,0%
Hàng & Dịch vụ CN L2	0,16%	56,7%
Ô tô và phụ tùng L2	1,04%	69,8%
Thực phẩm và đồ uống	-1,48%	31,3%
Hàng cá nhân & GD L2	-0,22%	90,6%
Y tế L2	1,96%	30,5%
Bán lẻ L2	-0,13%	125,9%
Truyền thông L2	0,39%	42,8%
Du lịch và Giải trí L2	0,04%	12,7%
Viễn thông L2	-1,24%	21,7%
Điện, nước & xăng L2	-0,65%	50,4%
Bảo hiểm L2	-0,72%	40,6%
Bất động sản L2	2,44%	80,0%
Dịch vụ tài chính L2	-1,28%	242,6%
Ngân hàng L2	0,00%	105,7%
CNTT L2	0,41%	116,2%

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

VN-Index tăng 6,07 điểm lên mốc 1.528,57 điểm (+0,4%). Bất chấp sự phân hóa mạnh và áp lực bán trong phiên chiều, thị trường vẫn chốt phiên trong sắc xanh. Nhóm ngành bất động sản tiếp tục bứt phá đặc biệt là 3 cổ phiếu họ nhà Vin là VIC(+4,5%), VHM(+1,55), VRE tràn dẫn dắt thị trường. Nhóm ngành xây dựng hạ tầng tuy không còn tăng nóng nhưng cũng vẫn duy trì sắc xanh như HBC(+2,74) CII(+2,26%), FCN(+1,43%). Nhóm dầu khí tăng nhẹ với BSR(+0,42%), OIL(+3,31%) PVB(+1,02%). Ở chiều ngược lại, nhóm ngân hàng phân hóa với BID(+2,56%), STB(+0,46%) trong khi TCB(-1,19%), VPB(-0,99%). Nhóm chứng khoán tiếp tục bị điều chỉnh với SSI(-1,7%), VND(-1,1%), HCM(-1,74%). Trên sàn HOSE, khối ngoại tiếp tục bán ròng 270,41 tỷ tập trung vào cổ phiếu MSN, VNM. Do VN-Index vẫn có ngành dẫn dắt và duy trì đà tăng nên trạng thái thị trường vẫn được đánh giá là tích cực.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT & KHUYẾN NGHỊ

Phân tích kỹ thuật:

Phiên giao dịch ngày 06/01, VN-Index tiếp tục dao động phía trên vùng 1520 điểm. Mặc dù áp lực bán xuất hiện về cuối phiên nhưng việc duy trì được trạng thái tăng điểm cho thấy lực cầu vẫn đang hoạt động sôi nổi để trung hòa lực bán ở vùng giá cao.

Khuyến nghị:

Kịch bản 1: VN-Index tiếp tục tích lũy tạo nền trên vùng 1.520, nhà đầu tư có thể canh nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng các nhóm ngành có câu chuyện trong năm 2022 như nhóm ngành xây dựng hạ tầng, bất động sản, điện và có KQKD tốt như chứng khoán, ngân hàng.

Kịch bản 2: VN-Index tiếp diễn đà tăng lên mốc 1.560 điểm. Nhà đầu tư nên tránh mua đuổi những cổ phiếu tăng nóng.

Chỉ số VNINDEX - 1D O 1519.74 H 1536.24 L 1518.18 C 1528.57 +6.07 (+0.40%)

MA 10 close 0 1496.40

Volume - Khối lượng 20 1.087B 890.584M

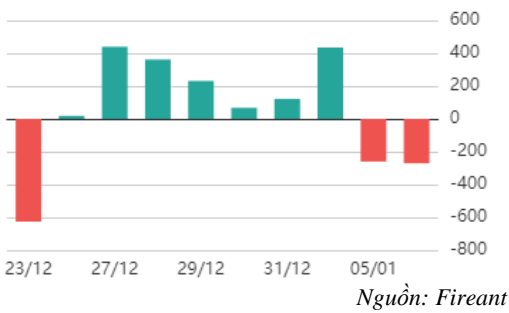
MA 60 close 0 1458.85

MA 100 close 0 1413.14

MA 20 close 0 1485.67



Giao dịch nước ngoài trên HSX



Nguồn: Fireant

ĐIỂM TIN TRONG NƯỚC

Tin kinh tế trong nước

[Chuyên gia nói gì về tác động của gói kích thích 350.000 tỷ đồng đến lạm phát, nợ công năm 2022?](#)

[TP HCM sẵn sàng đón du khách quốc tế trở lại](#)

[Chi 3.000 tỷ đồng bảo trì hạ tầng đường sắt](#)

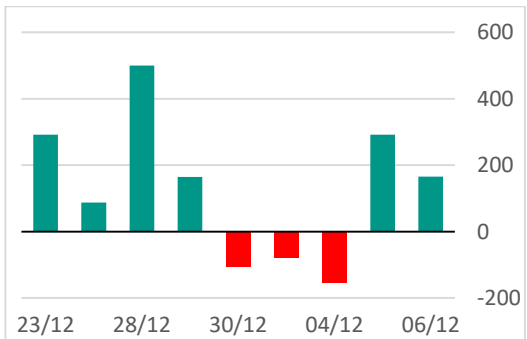
[Siba Holdings chính thức trở thành cổ đông lớn của CTCP nông nghiệp BAF](#)

Tin doanh nghiệp trong nước

[Becamex \(BCM\) ước lãi 1.128 tỷ đồng năm 2021, đặt kế hoạch lãi 1.381 tỷ đồng cho năm 2022](#)

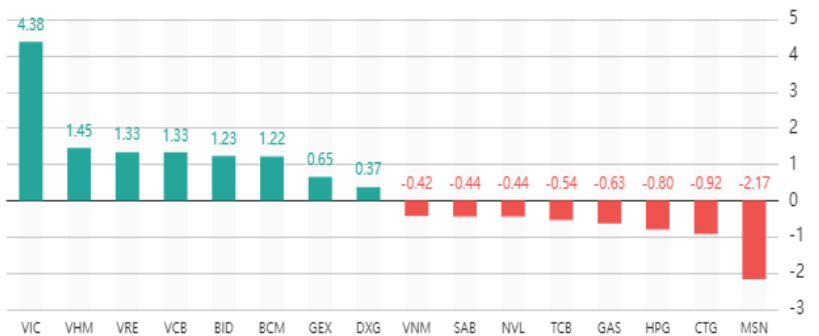
[Angimex \(AGM\) đặt kế hoạch doanh thu năm 2022 tăng gấp đôi lên 8.000 tỷ đồng](#)

Giao dịch tự doanh trên HSX



Nguồn: Fireant

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số



Nguồn: Fireant

Chỉ số thế giới

Dow Jones	-392,09	-1,08%
DAX	119,14	0,73%
FTSE100	11,72	0,16%
Nikkei 225	30,37	0,10%
Hang Seng	-382,59	-1,67%

Hợp đồng tương lai chỉ số

US30*	-275,2	-0,75%
DAX*	134	0,82%
FTSE100*	25	0,34%
Nikkei 225*	40	0,14%
Hang Seng*	-393	-1,72%

* Số liệu của phiên liền trước

ĐIỂM TIN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI

Tin kinh tế thế giới

[Thị trường tiền số đồng loạt lao dốc, Bitcoin rớt xuống dưới mốc 44.000 USD](#)

[Con số khủng lần đầu xuất hiện trong 20 năm: "Xương sống" của Trung Quốc đang gặp nguy](#)

[Fed dự kiến bắt đầu nâng lãi suất vào tháng 3 năm nay](#)

Tin hàng hóa thế giới

[Trung Quốc tích trữ, giá cả lương thực thế giới có nguy cơ leo thang vào năm 2022](#)

[Lý giải đà tăng của giá dầu bất chấp kế hoạch nâng sản lượng thêm 400.000 thùng/ngày từ OPEC+](#)

[Thị trường ngày 06/1: Giá dầu, vàng, quặng sắt tiếp đà tăng, nhôm cao nhất 2 tháng](#)

Bảng tổng sắp thay đổi giá thị trường hàng hóa

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% ngày	% tuần	% tháng	% năm	Cổ phiếu tác động
Năng lượng							
Dầu WTI	USD/thùng	77,85	1,12%	3,51%	3,51%	3,51%	GAS,BSR
Dầu Brent	USD/thùng	80,80	1,00%	3,88%	3,88%	3,88%	GAS,BSR
Xăng	UScent/gallon	2,29	0,69%	3,03%	3,03%	3,03%	PLX,OIL
Kim loại quý							
Vàng	USD/ounce	1.809,53	-0,28%	-1,03%	-1,03%	-1,03%	PNJ
Bạc	USD/ounce	22,77	-0,38%	-2,13%	-2,13%	-2,13%	PNJ
Nông sản và gia súc							
Đậu tương	UScent/giạ	1.384,25	0,40%	4,18%	4,18%	4,18%	HKB
Gạo	USD/cwt	14,46	-1,33%	-1,23%	-1,23%	-1,23%	VNM,GTN
Sữa	USD/cwt	20,66	12,16%	12,16%	12,16%	12,16%	
Cao su	JPY/Kg	229,00	1,91%	2,78%	2,78%	2,78%	DPR,PHR
Đường	UScent/lb	18,35	-1,98%	-2,81%	-2,81%	-2,81%	SBT,LSS
Cà phê	UScent/lb	232,20	3,52%	2,70%	2,70%	2,70%	CTP,DLG
Gỗ	USD/1000 board feet	1.159,50	2,34%	1,01%	1,01%	1,01%	PTB
Heo nạc	UScent/Lbs	82,43	2,77%	1,17%	1,17%	1,17%	DBC
Mặt hàng công nghiệp							
Quặng sắt	USD/tấn	119,00	1,71%	2,59%	2,59%	2,59%	HSG,HPG
Thép	USD/tấn	4.617,00	0,83%	1,52%	1,52%	1,52%	HSG,HPG

THÔNG KÊ TRONG NGÀY

Thống kê hợp đồng phái sinh

Mã phái sinh	Thay đổi	Mở cửa	Đóng cửa	Thấp nhất	Cao nhất	KLGD
VN30F2201	-3,90 (-0,25%)	1.544,00	1.545,10	1.543,50	1.557,00	94.315
VN30F2202	-4 (-0,26%)	1.543,40	1.543,00	1.541,90	1.553,00	245
VN30F2203	-6,30 (-0,41%)	1.542,10	1.543,30	1.541,00	1.551,00	51
VN30F2206	-6,60 (-0,43%)	1.542,40	1.542,00	1.541,50	1.551,70	53

Top 5 tăng giá HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
DC4	26,75	+1,75/+7,00%	287.900
SCR	23,7	+1,55/+7,00%	20.080.500
PHR	78,1	+5,10/+6,99%	1.893.600
CTD	113,4	+7,40/+6,98%	1.193.900
BCM	70,6	+4,60/+6,97%	1.644.400

Top 5 giảm giá HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
SVC	105	-7,90/-7,00%	300
FRT	87,5	-6,50/-6,91%	3.625.100
SFC	24,45	-1,75/-6,68%	3.900
PTC	41,5	-2,90/-6,53%	866.700
LCM	10,3	-0,70/-6,36%	1.494.500

Top 5 tăng giá HNX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
BKC	11	+1,00/+10,00%	35.500
CET	9,9	+0,90/+10,00%	175.000
DTD	55,1	+5,00/+9,98%	923.300
L14	337,5	+30,60/+9,97%	55.600
MBG	17,7	+1,60/+9,94%	4.983.200

Top 5 giảm giá HNX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
VMS	15,3	-1,70/-10,00%	4.300
GDW	21,7	-2,30/-9,58%	800
CMS	31,4	-2,90/-8,45%	133.200
VC2	61	-5,00/-7,58%	286.800
ALT	19,5	-1,50/-7,14%	21.500

Top mua ròng HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
VHM	85,3	+1,30/+1,55%	1.375.000
KBC	61,8	+1,30/+2,15%	1.677.400
DXG	38,1	+2,45/+6,88%	1.637.700
BCM	70,6	+4,60/+6,97%	778.400
KDH	56,8	+1,10/+1,97%	679.000

Top bán ròng HSX

Mã	Giá ĐC	Thay đổi	KLGD
MSN	153,8	-7,20/-4,47%	-779.000
VNM	85,4	-0,80/-0,93%	-1.236.100
VIC	104,5	+4,50/+4,50%	-730.900
CTG	34	-0,75/-2,16%	-1.971.700
NVL	88,2	-0,90/-1,01%	-702.700

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYÊN NGHỊ

Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
HPG	46,1	16,59	05/08/2020	30,5	20			177,9%	
CTG	34	27,5	01/04/2021	50	37,8			23,6%	
ACB	33,75	26,72	01/04/2021	40	31,35			26,3%	
MBB	28,35	24,6	10/05/2021	40	29			15,2%	
SSI	51,9	38,6	24/05/2021	37	50			34,5%	
TCB	49,9	51,1	22/07/2021	55,4	48			-2,3%	
VPB	35,15	34,75	22/07/2021	70,5	54,8			1,2%	
MBB	28,35	28,35	23/07/2021	32,6	26,5			0,0%	
MBS	40,2	29,2	22/07/2021	36	25,5			37,7%	
VND	81,2	43,2	22/07/2021	51	37,8			88,0%	
NLG	64,5	40	22/07/2021	50,7	36,5			61,3%	
KBC	61,8	33,1	22/07/2021	40,3	30,5			86,7%	
SZC	72,5	39,55	22/07/2021	43	37,5			83,3%	
FMC	53	35,3	22/07/2021	37,3	34,4			50,1%	
ANV	35,4	27	22/07/2021	33,3	24,6			31,1%	
VHC	67	40,55	22/07/2021	43,5	36,7			65,2%	

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ CHÓT

Mã cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mua	Ngày mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá bán	Ngày bán	Tỷ lệ %	Ghi chú
HPG	46,7	16,59	8/5/2020	30,5	20			181,5%	
CTG	32,9	27,5	4/1/2021	50	37,8			19,6%	
ACB	33,15	26,72	4/1/2021	40	31,35			24,1%	
MBB	27,6	24,6	5/10/2021	40	29			12,2%	
SSI	52	38,6	5/24/2021	37	50			34,7%	
TCB	49,7	51,1	7/22/2021	55,4	48			-2,7%	
VPB	56,3	60,8	7/22/2021	70,5	54,8			-7,4%	
VHM	78,2	84,19	22/07/2021	90	78		21/09/2021	-7,1%	Cắt lỗ

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

Hệ thống khuyến nghị	Diễn giải
MUA	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên
THEO DÕI	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15%
NẮM GIỮ	Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5%
BÁN	Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5%

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Nguyễn Minh Hoàng	Chuyên viên phân tích cao cấp	hoang.nguyenminh@vfs.com.vn
Vũ Thị Hà Phương	Chuyên viên phân tích	phuong.vu@vfs.com.vn
Nguyễn Hoàng Long	Chuyên viên phân tích	long.nguyen@vfs.com.vn
Trần Minh Quân	Chuyên viên phân tích	quan.tran@vfs.com.vn

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)

Hội sở Hồ Chí Minh

Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222** – Ext: **117** Fax: **(84-4) 39338222**

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.